

Tuần 30, 07/08/2026

Đà lan tỏa và tâm lý thị trường cải thiện

Tiêu điểm:

- Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Văn Thắng ký Quyết định số 40/2026/QĐ-TTg ngày 05/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân loại doanh nghiệp để thực hiện cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước.
- Tổng vốn đầu tư nước ngoài thu hút được đã đạt trên 38 tỉ USD, +58% YoY. Đặc biệt, quy mô vốn đăng ký mới tăng hơn gấp đôi; vốn thực hiện đạt 15.2 tỉ USD, tăng 11.76%.

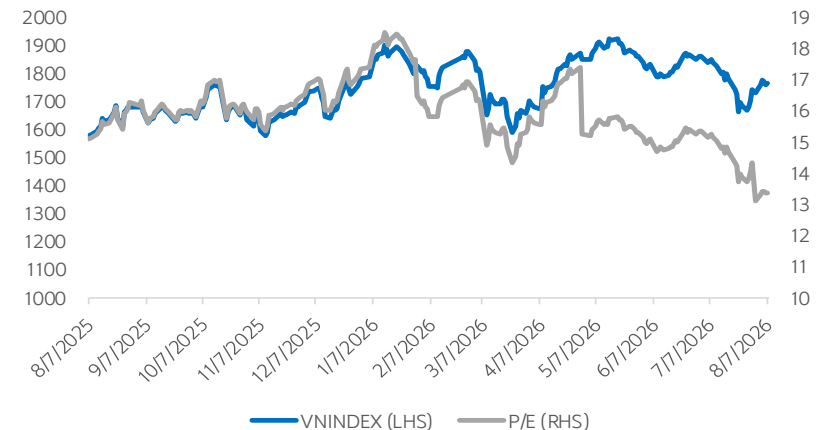
Đánh giá: Thị trường tiếp tục phục hồi nhờ tâm lý cải thiện, thông tin thoái vốn tại nhiều doanh nghiệp nhà nước, bức tranh vĩ mô tiếp tục khởi sắc và dòng vốn khối ngoại mua ròng trở lại. Có thể thấy dòng tiền khối ngoại đã góp phần không nhỏ kéo thị trường tăng. Tuy nhiên chúng tôi cho rằng nhịp phục hồi này sẽ gặp áp lực lớn vào tuần sau khi xu hướng chốt lời sẽ diễn ra. Về triển vọng cuối năm, chúng tôi cho rằng thị trường vẫn có thể đạt ngưỡng 2,000 khi thị trường vào pha uptrend nhưng dòng tiền sẽ không tham gia mạnh mẽ như giai đoạn 2021 bởi nhà đầu tư nhỏ lẻ; thay vào đó dòng vốn ngoại sẽ là yếu tố quan trọng hơn.

Góc nhìn kỹ thuật: VN-Index kết tuần tại 1,768.06 điểm (+32.28 điểm, +1.86%) trên đồ thị tuần với thanh khoản thấp. Tâm lý thị trường tiếp tục cải thiện với đà lan tỏa tốt hơn, khi % số lượng cổ phiếu trên MA 50 tăng từ 14.8% lên 26.5%. Tuy nhiên, vùng 1,800 điểm, tương ứng MA 50, sẽ là ngưỡng cản cho nhịp phục hồi này. Xu hướng chính của thị trường vẫn tuân thủ theo khung giao dịch 1,650 – 1,900.

Ý tưởng đầu tư: Nhà đầu tư có thể tận dụng các nhịp điều chỉnh của thị trường để giải ngân từng phần, đồng thời duy trì tỷ trọng tiền mặt hợp lý nhằm quản trị rủi ro. Nhà đầu tư nên hạn chế sử dụng đòn bẩy (margin) để bắt đáy khi thị trường có thể hình thành đáy thứ hai.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,768	1.9	-4.3	-7.4	-0.9		13.4	2.0	318
Upcom Index	127	0.2	-0.4	-1.0	4.9		11.5	1.6	25
HNX Index	293	8.2	-0.1	18.4	18.0		19.0	1.7	16
VN30 Index	1,911	2.1	-4.2	-8.1	-5.9		11.2	2.0	244
S&P 500 Index	7,710	2.9	2.7	5.1	12.6		28.4	5.9	68,741
STOXX Europe 600 Index	660	1.6	2.1	7.0	11.4		17.4	2.5	19,206
Hang Seng	25,666	-0.8	9.2	-3.6	0.1		13.3	1.3	3,877
Nikkei 225	65,607	1.9	-3.9	4.4	30.3		23.9	3.0	6,536
SHCOMP Index	3,940	2.8	-1.3	-5.7	-0.7		1.5	9,296	
STI Index	5,693	1.1	6.6	15.2	22.5		17.4	1.8	643
KOSPI Index	6,259	-5.1	-18.3	-16.4	48.5		17.3	1.8	3,544

Nguồn: Bloomberg



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Nam Hoàng, CFA

(84-28) 5808 7603

nam.h@shinhan.com

 Theo dõi Zalo của SSV,
 Cập nhật báo cáo mới nhất


Bấm vào hình hoặc quét QR

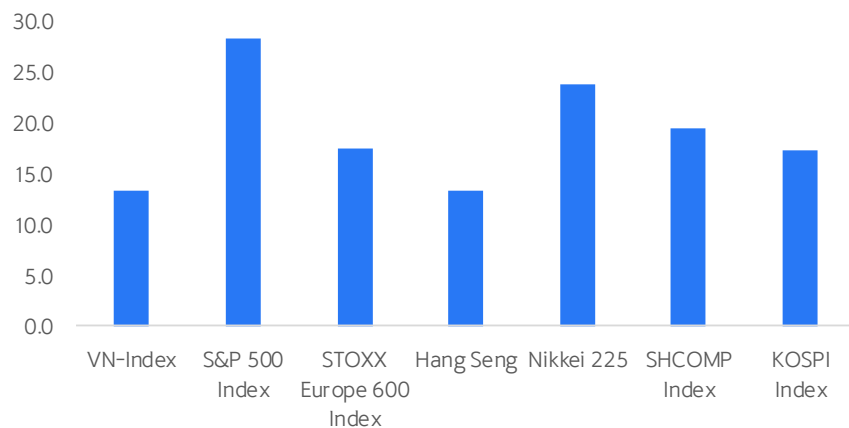
WEEKLY SNAPSHOT

Theo vốn hóa và ngành

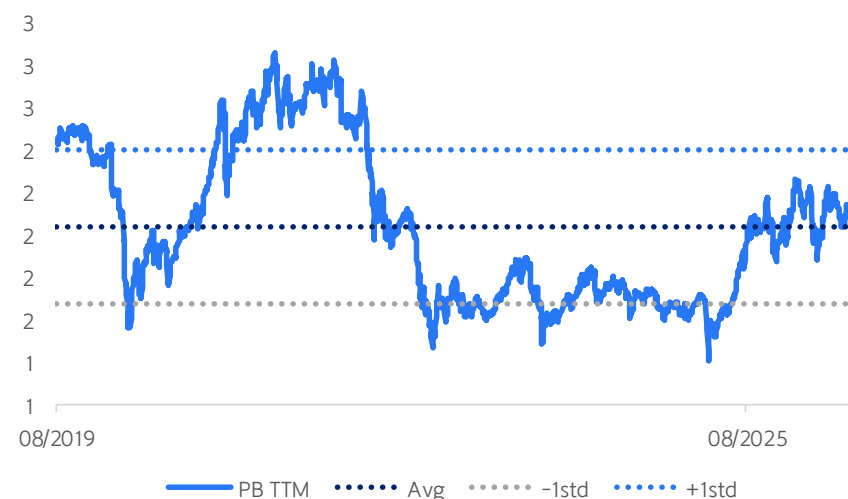
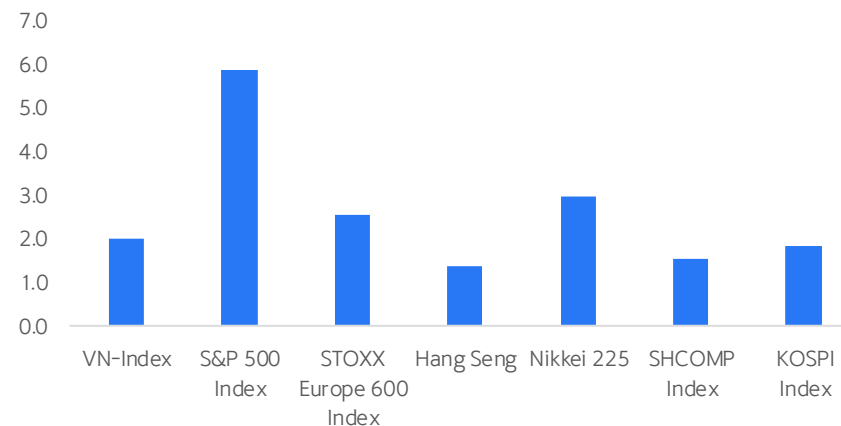
Giá trị vốn hóa	% Thay đổi GTGD								% Tỷ trọng GTGD		Định giá		
	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	1.9	-2.9	-6.2	1.4	9.1	3.6	-4.3	-27.1	53.3	-0.5	15.3	2.3	7,729,705
Mid Cap	2.0	-5.0	-8.8	-7.1	9.1	1.8	-13.4	-42.3	24.8	-0.2	10.2	1.1	531,665
Small Cap	0.8	-5.1	-10.5	-15.3	13.6	6.5	-0.1	-21.5	22.0	0.7	10.9	0.6	73,492
Theo ngành													
Tên ngành	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Bảo hiểm	9.5	10.7	3.5	11.9	17.1	20.4	-16.2	-45.0	1.7	0.1	14.8	1.8	62,178
Hàng cá nhân & Gia dụng	7.6	-14.2	-33.8	-32.8	-24.3	-18.7	-5.5	-50.0	0.2	-0.1	7.1	1.1	39,847
Hóa chất	5.8	-3.5	-14.5	3.1	9.9	-16.4	-35.5	-69.1	1.7	0.0	14.1	1.6	196,464
Tiện ích	5.7	-0.3	0.6	-0.2	-16.0	-9.5	2.4	-34.8	4.6	-1.4	13.0	1.9	325,212
Công nghệ Thông tin	5.1	-0.7	0.3	-25.1	12.5	-5.3	-11.8	-38.9	7.1	0.1	12.8	2.7	133,620
Dầu khí	4.0	1.1	-4.7	34.8	47.8	47.7	63.2	-1.3	0.0	0.0	24.5	2.2	193,615
Ngân hàng	2.7	-3.4	-3.9	-0.1	22.9	10.0	-0.8	-13.3	21.4	2.2	9.3	1.5	2,563,185
Bán lẻ	2.6	-3.0	-10.6	-14.7	1.2	11.8	2.8	-30.1	3.7	-0.3	17.4	3.2	148,099
Dược và Y tế	2.3	-1.1	-5.2	-10.3	21.7	22.4	0.3	-21.5	2.1	0.2	16.8	2.0	36,088
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	2.2	-5.4	-24.1	-18.5	5.0	-6.7	-23.3	-42.7	8.4	-0.4	13.1	1.9	215,483
Du lịch và Giải trí	2.2	-6.1	-4.8	-11.5	8.4	2.5	-4.2	-14.9	5.0	-0.1	28.3	4.3	319,267
Truyền thông	1.8	-11.2	-14.5	-24.0	-14.9	-31.4	-47.8	-69.1	0.0	0.0	21.0	0.8	2,042
Ô tô & Phụ tùng	1.4	-0.7	3.1	5.3	-13.7	-21.9	-23.2	-44.2	0.2	-0.1	4.0	1.0	18,232
Xây dựng và vật liệu	1.4	-6.1	-11.7	-12.0	7.1	-8.7	-22.6	-34.6	6.1	-0.2	10.1	1.2	126,630
Tài nguyên cơ bản	1.3	-4.1	-10.2	-7.3	11.4	12.8	14.5	-13.6	15.7	0.2	6.9	1.3	223,970
Bất động sản	0.3	-3.0	-6.9	11.8	14.3	16.9	-6.3	-32.7	9.3	0.3	33.1	3.6	2,614,201
Thực phẩm và đồ uống	-0.1	1.2	0.6	-12.7	12.6	29.1	20.9	-22.4	7.2	0.2	15.4	3.0	488,062
Tài chính	-0.2	-7.2	-9.3	-2.6	-1.7	-20.2	-24.7	-50.5	5.5	-0.7	15.3	1.7	477,974

Nguồn: ICB cấp 2 - Finpro, Bloomberg

P/E



P/B



WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư



Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	-64,427	17,878	17,878
Ấn độ	1,165	1,165	3,618	-25,347
Indonesia	-30	-30	58	-4,190
Nhật Bản*	-2,494	9,551	7,057	60,066
Maylaysia	-49	-49	25	-674
Hàn Quốc	-4,286	-4,286	-10,529	-105,346
Sri Lanka	-42	-42	-48	-156
Đài Loan	1,934	1,934	-21,354	-41,714
Thái Lan	-171	-171	1,288	2,169
Việt Nam	89	89	-356	-3,295

*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	2,350	-3.1	-28.3	-102.6	-207.0
Nước ngoài	1,626	-2.6	-30.7	-87.7	-178.1
VanEck Vectors Vietnam ETF	505	0.0	-26.5	-26.4	-52.7
Fubon FTSE Vietnam ETF	348	-2.6	-6.1	-47.5	-116.7
iShares MSCI Frontier and Select EM	188	0.0	0.0	0.0	0.0
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	367	0.0	1.9	-2.2	5.7
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	202	0.0	0.0	-10.9	-13.1
Premia MSCI Vietnam ETF	5	0.0	0.0	-0.8	-1.3
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	2	0.0	0.0	0.0	0.0
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	723	-0.5	2.4	-14.8	-28.8
DCVFMVN Diamond ETF	417	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	226	0.0	4.6	-5.1	-17.9
SSIAM VNFIN LEAD ETF	19	-0.2	-0.9	-0.7	0.3
MAFN VN30 ETF	22	0.0	-1.2	-8.7	-11.5
SSIAM VNX50 ETF	5	-0.3	-0.3	-0.3	-0.4
VinaCapital VN100 ETF	25	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	9	0.0	0.2	0.1	0.7

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Chú thích:

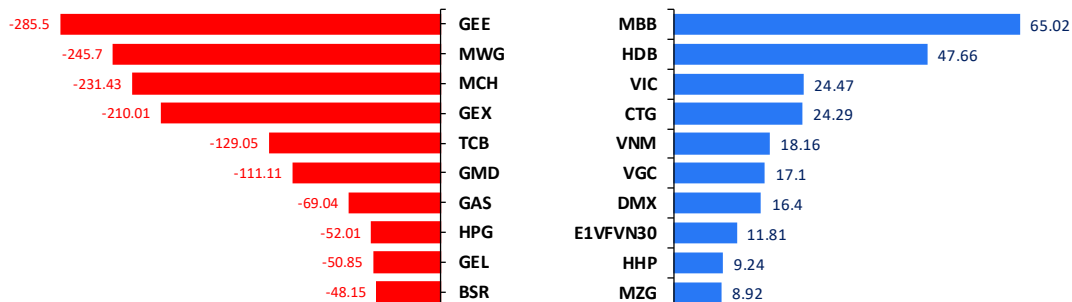
WTD: từ đầu tuần

MTD: từ đầu tháng

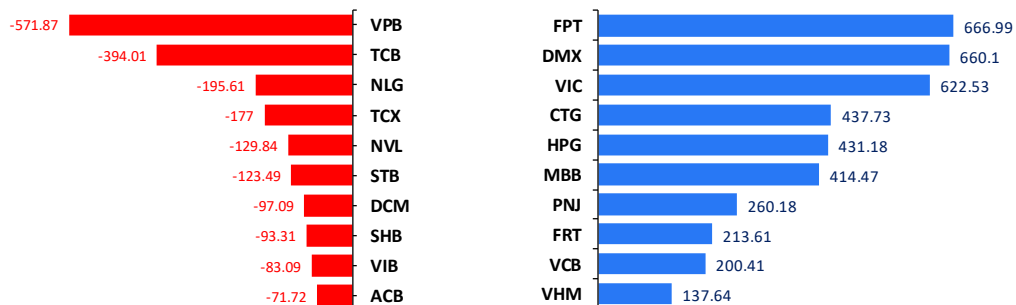
QTD: từ đầu quý

YTD: từ đầu năm

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

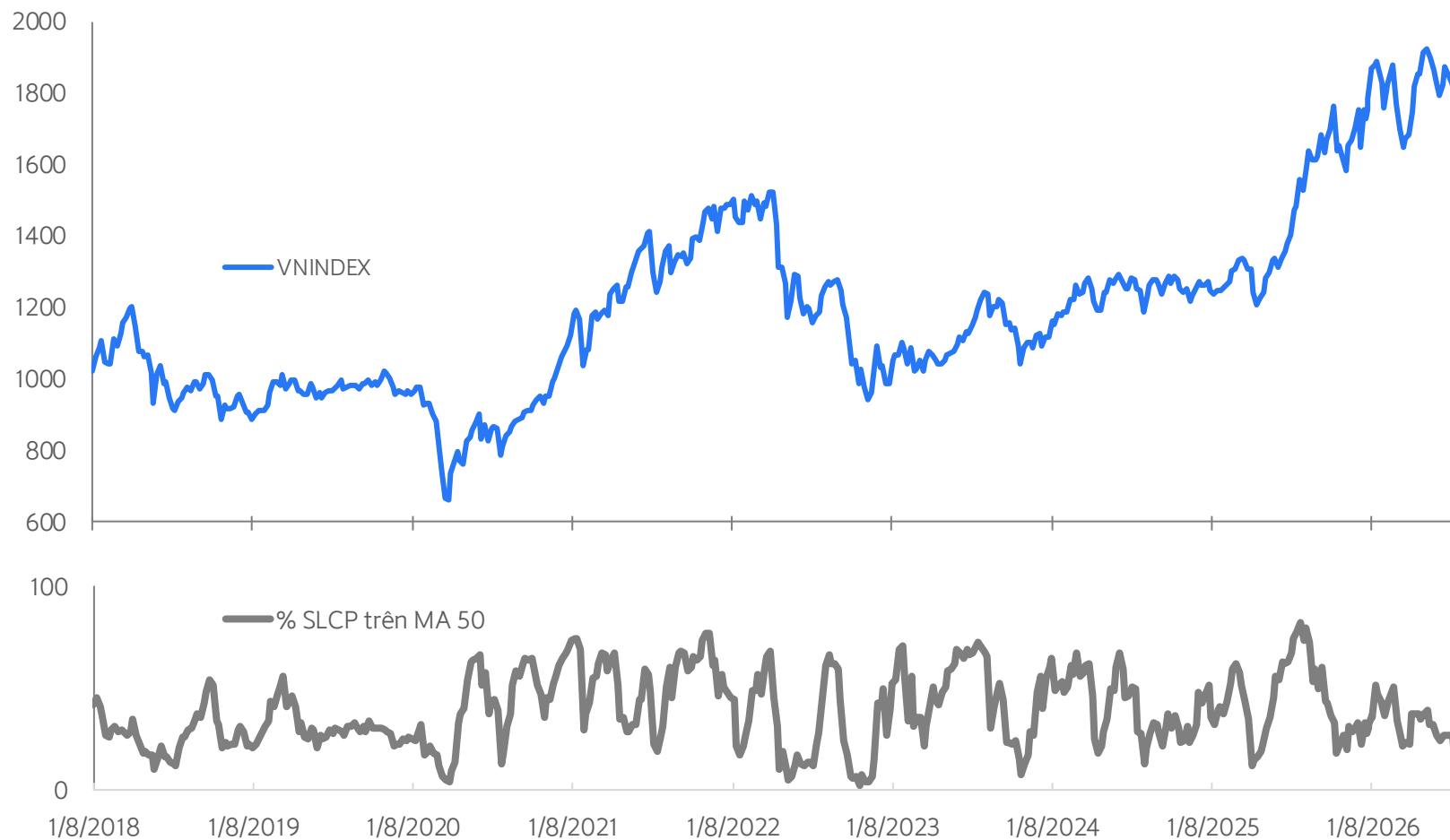
Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	-16	889	-1,498	609
Tài nguyên Cơ bản	-42	432	-257	-175
Truyền thông	0	0	0	0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-371	-12	218	-206
Y tế	0	-4	-6	9
Hóa chất	3	-79	64	16
Dịch vụ tài chính	1	132	255	-387
Du lịch và Giải trí	-5	61	-90	29
Ngân hàng	-119	124	253	-377
Xây dựng và Vật liệu	-78	-25	60	-35
Thực phẩm và đồ uống	-205	-202	385	-182
Bán lẻ	-269	194	92	-286
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-97	-37	244	-208
Hàng cá nhân & Gia dụng	-18	253	-194	-59
Công nghệ Thông tin	-12	736	-523	-212
Ô tô và phụ tùng	3	4	-53	49
Bảo hiểm	0	21	1	-22
Dầu khí	-55	-25	331	-306
Tổng	-1,280	2,463	-719	-1,744

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

Chưa bao gồm dữ liệu phiên thứ 6



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT

Xu hướng kỹ thuật



Ngân hàng				Bất động sản				Bảo hiểm và dịch vụ tài chính				Tài nguyên Cơ bản và xây dựng vật liệu				Hàng & Dịch vụ Công nghiệp và Hàng cá nhân & gia dụng			
Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
SHB	38	Neutral	Weak	DXG	41	Weak	Weak	BVH	64	Neutral	Weak	HPG	49	Neutral	Weak	GEX	49	Strong	Weak
MBB	55	Strong	Neutral	NVL	66	Too hot	Strong	BMI	50	Strong	Neutral	NKG	45	Neutral	Weak	VSC	45	Neutral	Weak
HDB	54	Neutral	Neutral	DIG	42	Neutral	Weak	BIC	39	Strong	Strong	HSG	44	Neutral	Weak	PVT	51	Strong	Weak
VPB	42	Neutral	Weak	VRE	48	Strong	Weak	VIX	45	Neutral	Weak	SMC	55	Strong	Neutral	GMD	56	Neutral	Neutral
MSB	59	Neutral	Strong	PDR	36	Weak	Weak	SSI	49	Neutral	Weak	CII	40	Weak	Weak	HAH	43	Neutral	Weak
TCB	45	Neutral	Weak	VIC	49	Neutral	Neutral	VND	46	Neutral	Weak	HHV	42	Neutral	Weak	GEE	35	Weak	Weak
EIB	41	Neutral	Weak	KDH	39	Neutral	Weak	VCI	48	Neutral	Weak	VCG	36	Neutral	Weak	VOS	49	Neutral	Weak
ACB	49	Neutral	Neutral	VHM	52	Strong	Neutral	HCM	54	Neutral	Strong	PCI	44	Neutral	Neutral	APH	69	Strong	Strong
TPB	45	Neutral	Weak	TCH	38	Weak	Weak	TCX	41	Weak	Weak	FCN	46	Neutral	Weak	VTP	50	Neutral	Neutral
STB	59	Strong	Strong	KBC	45	Neutral	Weak	ORS	54	Neutral	Strong	VGC	44	Neutral	Weak	SBG	52	Neutral	Neutral
CTG	57	Strong	Neutral	HDG	37	Neutral	Weak	VDS	38	Weak	Weak	DPG	45	Neutral	Weak	REE	51	Neutral	Neutral
VIB	41	Neutral	Weak	HDC	34	Weak	Weak	FTS	41	Weak	Weak	CTD	46	Neutral	Weak	PAC	39	Neutral	Weak
SSB	36	Weak	Neutral	NLG	42	Neutral	Weak	CTS	40	Weak	Weak	CTR	65	Too hot	Strong	TV2	51	Strong	Weak
VCB	56	Strong	Neutral	DXS	38	Weak	Weak	BSI	39	Weak	Weak	HT1	54	Strong	Neutral	TCM	31	Weak	Weak
NAB	34	Weak	Weak	NTL	23	Weak	Weak	TCI	44	Neutral	Weak	CTI	52	Neutral	Neutral	TLG	57	Neutral	Neutral
OCB	48	Neutral	Neutral	SIP	63	Strong	Neutral	TVB	47	Neutral	Neutral	BMP	49	Neutral	Neutral	PNJ	38	Neutral	Weak
BID	54	Strong	Neutral	SZC	49	Neutral	Weak	DSE	48	Neutral	Neutral					MSH	40	Neutral	Weak
LPB	52	Neutral	Strong	BCM	40	Neutral	Weak												
Công nghệ thông tin và bán lẻ				Dầu khí & điện nước và Tiện ích				Thực phẩm và đồ uống				Truyền thông và y tế				Du lịch & giải trí và Ô tô phụ tùng			
Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn	Ticker	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
FPT	57	Strong	Neutral	PVD	45	Weak	Weak	MSN	49	Neutral	Weak	YEG	50	Neutral	Neutral	VPL	44	Neutral	Weak
SAM	47	Neutral	Neutral	BSR	57	Strong	Neutral	VNM	64	Strong	Strong	DCL	51	Neutral	Neutral	VJC	38	Neutral	Weak
ELC	53	Strong	Neutral	PLX	55	Strong	Neutral	DBC	44	Neutral	Weak	DBD	48	Neutral	Neutral	HVN	55	Strong	Strong
CMG	41	Neutral	Weak	POW	47	Neutral	Neutral	BAF	68	Strong	Strong	TNH	47	Neutral	Weak	SCS	40	Neutral	Weak
MWG	45	Neutral	Weak	NT2	47	Neutral	Weak	SAB	44	Neutral	Weak	JVC	37	Neutral	Weak	VNG	65	Too hot	Strong
DGW	58	Strong	Neutral	GAS	56	Strong	Neutral	ANV	40	Neutral	Weak					HAX	55	Strong	Neutral
PET	60	Strong	Strong	GEG	37	Neutral	Weak	VHC	31	Weak	Weak					DRC	43	Neutral	Weak
FRT	69	Too hot	Strong	PPC	26	Neutral	Weak	MCH	50	Neutral	Neutral								

Danh sách theo dõi tiềm năng						
STT	Cổ phiếu	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Vùng mua tiềm năng	Lợi nhuận kỳ vọng (tính từ giá hiện tại)	Ghi chú
1	HPG	22	NA	23.5	NA	Kỳ vọng KQKD 1H tăng trưởng ấn tượng. Cổ phiếu hưởng nền hỗ trợ phù hợp với chiến lược mua tích lũy với tỷ trọng nhỏ hơn là giao dịch ngắn hạn
2	REE	47.1	NA	NA	NA	Triển vọng đầu tư dài hạn ổn định với kế hoạch phát triển điện tái tạo cụ thể là điện gió ngoài khơi. Hiện tượng thời tiết El nino cũng góp phần khiến REE chiết khấu sâu. Định giá hấp dẫn phù hợp với chiến lược đầu tư dài hạn
2	NVL	13.9	NA	13	NA	Xu hướng giá mạnh hơn so với thị trường và nhóm ngành bất động sản. KQKD 1H2026 tăng trưởng mạnh mẽ khi cùng kỳ đang lỗ. Kỳ vọng mở bán mới Aqua city có thể tạo tâm lý tích cực cho cổ phiếu

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	HVH	Xây dựng và Vật liệu	9.30 - 14.09	10.4	-12.3%
2	CRV	Bất động sản	23.30 - 40.86	23.8	-10.9%
3	MHC	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	7.68 - 15.38	7.9	-10.0%
4	CRC	Xây dựng và Vật liệu	5.20 - 12.60	5.2	-10.0%
5	TDG	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2.30 - 3.68	2.4	-8.7%

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
21.3%	8.6	4.49 - 9.25	Hóa chất	HII
18.7%	30.8	22.25 - 42.60	Xây dựng và Vật liệu	GEL
16.4%	22.0	18.00 - 30.00	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	CNG
16.1%	36.0	30.25 - 84.67	Hàng cá nhân & Gia dụng	PNJ
15.9%	13.1	9.61 - 14.44	Ngân hàng	KLB

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	MEL	Tài nguyên Cơ bản	5.80 - 9.10	6.1	-26.5%
2	NDX	Xây dựng và Vật liệu	5.50 - 6.80	5.6	-17.6%
3	TXM	Xây dựng và Vật liệu	3.60 - 5.80	4.0	-14.9%
4	MKV	Y tế	9.30 - 26.40	11.7	-13.3%
5	VIT	Xây dựng và Vật liệu	14.31 - 30.00	23.0	-12.9%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
36.4%	163.3	25.40 - 220.00	Bất động sản	THD
28.8%	8.5	3.90 - 14.50	Truyền thông	DST
18.3%	30.4	22.80 - 40.70	Truyền thông	QST
17.9%	9.2	7.30 - 15.10	Thực phẩm và đồ uống	VDL
14.4%	11.9	9.40 - 27.00	Xây dựng và Vật liệu	SJE

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	CH5	Xây dựng và Vật liệu	7.40 - 16.50	9.3	-39.6%
2	MGR	Bất động sản	3.50 - 9.00	5.6	-30.9%
3	DVW	Xây dựng và Vật liệu	17.50 - 56.00	39.0	-30.4%
4	VT5	Tiêu dùng không thiết yếu	3.00 - 10.60	3.0	-28.6%
5	NAU	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	5.00 - 26.10	5.0	-28.6%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
45.8%	3.5	1.20 - 5.50	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	L35
39.4%	29.7	21.10 - 30.10	Hàng cá nhân & Gia dụng	HNI
38.9%	25.0	10.70 - 30.00	Hóa chất	HNP
33.5%	45.0	16.91 - 45.00	Bất động sản	RGG
33.3%	14.0	10.00 - 14.00	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	THU

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá (nghìn VND)	Giá cổ phiếu	
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W		Biến động 52 tuần	%1W
1	PGD	PV GAS D	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	422.9	1,556.2	22.7	3.65 - 5.73	7.3
2	TTA	XD và PT Trường Thành	Xây dựng và Vật liệu	6,801.9	364.0	11.4	10.10 - 12.85	7.5
3	VCB	Vietcombank	Ngân hàng	543,852.3	244.7	59.7	52.60 - 78.80	0.7
4	BMP	Nhựa Bình Minh	Xây dựng và Vật liệu	25,297.8	215.5	148.8	121.20 - 191.00	-2.9
5	TAL	Đầu tư bất động sản Taseco	Bất động sản	9,810.7	208.2	25.1	19.50 - 39.71	12.6
6	FRT	Bán lẻ FPT	Bán lẻ	111,606.9	179.6	132.0	100.20 - 172.38	6.1
7	IDI	Đầu tư và PT Đa Quốc Gia	Thực phẩm và đồ uống	1,827.7	173.1	5.0	4.55 - 9.39	3.8
8	PAN	Tập đoàn PAN	Thực phẩm và đồ uống	9,446.2	172.7	20.8	18.75 - 29.67	0.0
9	DCL	Dược phẩm Cửu Long	Y tế	45,419.4	154.3	39.2	20.85 - 62.80	2.0
10	GEL	Hạ tầng Gelex	Xây dựng và Vật liệu	80,644.3	152.2	30.8	22.25 - 42.60	18.7

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Tỷ giá

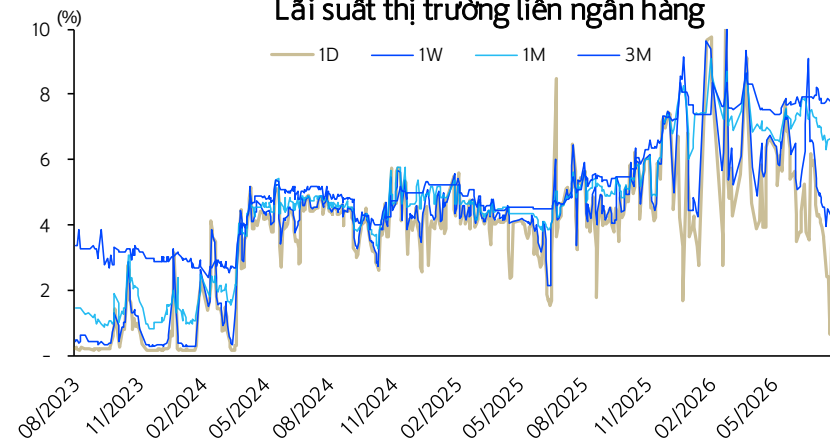
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dollar index	99.96	0.0	-1.1	1.9	1.7	
VND/USD	26,207	-0.3	-0.3	-0.4	-0.3	
KRW/USD	1,417.55	-1.5	-6.5	-2.6	-1.5	
JPY/USD	158.47	0.7	-2.2	1.0	1.1	
EUR/USD	0.87	0.1	-0.9	1.8	2.0	
SGD/USD	1.28	-0.1	-0.8	1.0	-0.3	
CNY/USD	6.75	-0.1	-0.7	-0.8	-3.4	

Hàng hóa

	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
Dầu thô	77.70	-8.2	10.3	-18.0	35.3	
Xăng	296.84	-7.9	0.5	-14.1	74.1	
Gas	2.66	-3.2	-18.5	-3.9	-27.8	
Than	128.25	-1.7	-0.1	-2.9	19.3	
Vàng	4,299.88	6.3	4.7	-8.2	-0.5	
Bạc	64.27	11.6	7.2	-18.1	-10.3	
Platinum	1,769.75	7.4	7.7	-12.8	-14.1	
Quặng sắt	95.28	-3.0	-3.1	-14.1	-11.1	
Thép cán	3,242.00	-0.5	-1.8	-6.9	-0.9	
Lúa mì	634.50	-0.7	4.1	5.4	25.1	
Ngô	440.75	0.0	-0.4	-2.7	0.1	

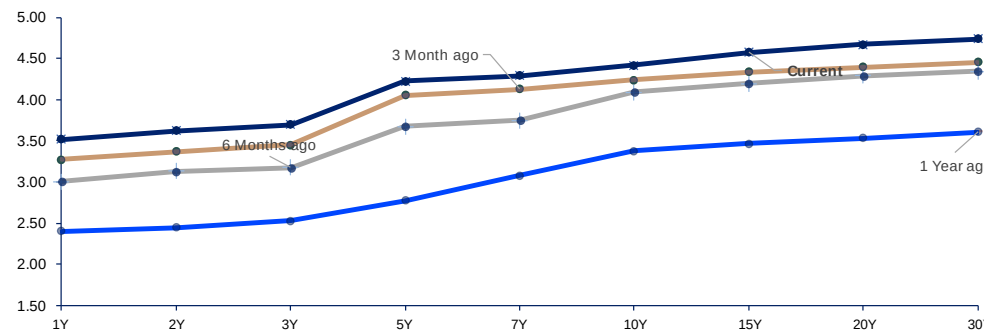
Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, SBV

Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	3.52	3.62	3.69	4.22	4.29	4.42	4.57	4.34	4.20
Thay đổi (WoW)	5.00	5.00	5.00	0.90	2.40	0.50	-0.40	0.80	0.90

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd,
18th Floor. The Mett Tower. 15 Tran Bach Dang. Thu Thiem Ward.
Thu Duc City. Ho Chi Minh City. Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000



Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lý nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền © 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.